

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BVHXXH ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, LĐTĐBXH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC (đăng công báo);
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Mai Văn Huỳnh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

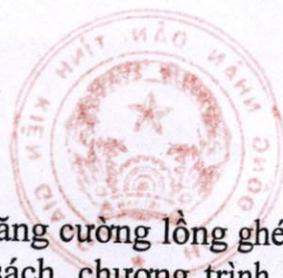
Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Trọng tâm là các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.
4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm



trước.

5. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, chồng chéo, trùng lặp.

6. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2020.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính điểm căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố.

4. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

5. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thành phố căn cứ số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế.

6. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh bằng 15% tổng ngân sách trung ương đầu tư cho Chương trình.

Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang, ven biển

1. Tiêu chí và hệ số phân bổ:

Xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển: Hệ số 1.

2. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư phát triển phân bổ cho xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển được tính theo công thức:

$$B_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

B_i là vốn phân bổ cho xã thứ i .

X_i là hệ số tiêu chí của xã thứ i .

Q là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$\frac{\sum_{i=1}^n X_i}{n}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển để thực hiện Dự án 1.

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển được phân bổ cho từng xã.

$$B_{ii} = 10\%B_i$$

B_{ii} là vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng cho xã thứ i .

Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn của Dự án 2 cho các huyện, thành phố (gọi chung là huyện).

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

a) Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	

Tiêu chí	Hệ số
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn của Tiểu dự án 1 cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$\mathbb{D}_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

\mathbb{D}_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 2,5 + \mathbb{D}V_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$\mathbb{D}V_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ 100% vốn của Tiểu dự án 2 cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	
- Dưới 10 %	1,2
- Từ 10% trở lên	1,6

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 3 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Phân bổ 100% vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 350 người/năm	0,6
- Từ 350 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,015.XN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số tượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$\frac{\sum_{i=1}^n X_i}{n}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Phân bổ 100% vốn của Tiểu dự án 2 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án 2) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ 100% vốn của Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện	
- Dưới 10.000 người	1
- Từ 10.000 người đến dưới 20.000 người	1,3
- Từ 20.000 người đến dưới 50.000 người	1,6
- Từ 50.000 người đến dưới 80.000 người	1,9
- Từ 80.000 người đến dưới 100.000 người	2,2
- Từ 100.000 người trở lên	2,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 10. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Phân bổ 100% vốn của Tiểu dự án 1 cho Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì Tiểu dự án 1) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ 20% vốn của Tiểu dự án 2 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án 2) và 80% cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

Điều 11. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ 20% vốn của Dự án 7 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì thực hiện Dự án) và 80% cho các huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của

huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 7 của Chương trình.

Điều 12. Tiêu chí, hệ số, phương pháp tính, phân bổ vốn cho xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã)

1. Đối với Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển) thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Đối với Dự án 2 (Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo); Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp) thực hiện như sau:

a) Các tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho xã

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 2%	0,4
- Từ 2% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 14%	0,6
- Từ 14% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 200 hộ	0,4
- Từ 200 hộ đến dưới 400 hộ	0,5
- Từ 400 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

b) Phương pháp tính phân bổ vốn

Vốn phân bổ cho từng xã được tính theo công thức:

$$B = A. (TL_i + SH_i + 2,5.XN_i)$$

Trong đó:

B là vốn phân bổ cho xã thứ i.

TL_i là hệ số tiêu chí của tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã thứ i.

SH_i là hệ số tiêu chí của tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã thứ i.

XN_i là hệ số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển

A là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$A = \frac{Q}{\sum_{i=1}^n (TL_i + SH_i + 2,5 \cdot XN_i)}$$

Q: tổng số vốn phân bổ cho huyện để thực hiện từng dự án tại các xã.

3. Đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều); Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình) thực hiện như sau:

a) Các tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho xã (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

b) Phương pháp tính phân bổ vốn:

Vốn phân bổ cho từng xã được tính theo công thức:

$$B = A \cdot (TL_i + SH_i + XN_i)$$

Trong đó:

B là vốn phân bổ cho xã thứ i.

TL_i là hệ số tiêu chí của tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã thứ i.

SH_i là hệ số tiêu chí của tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã thứ i.

XN_i là hệ số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển

A là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$A = \frac{Q}{\sum_{i=1}^n (TL_i + SH_i + XN_i)}$$

Q: tổng số vốn phân bổ cho huyện để thực hiện từng dự án tại các xã.

c) Riêng Dự án 7, vốn phân bổ cho huyện 80% theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này. Tỷ lệ vốn này được xem như 100%, trong đó: huyện giữ lại

30% và phân bổ cho các xã 70%.

4. Đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng); Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn) và Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 (Hỗ trợ việc làm bền vững) huyện không phân bổ kinh phí thực hiện Dự án cho các xã. Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp triển khai thực hiện trên địa bàn huyện./.
